

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định tổ chức, quản lý, công bố hoạt động
của bãi đỗ xe trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ Xây dựng Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 103/TTr-SGTVT ngày 20 tháng 5 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định việc tổ chức, quản lý, công bố hoạt động của bãi đỗ xe thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Quyết định này không áp dụng đối với: Bãi đỗ xe nhằm mục đích phục vụ cho việc kinh doanh chính của các tổ chức, cá nhân; bãi đỗ xe thuộc các trạm dừng nghỉ đường bộ; bãi đỗ xe cao tầng, thông minh.

2. Đối tượng áp dụng: Cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức, quản lý, công bố hoạt động của bãi đỗ xe trên địa bàn tỉnh Hà Giang.



Điều 2. Tổ chức bãi đỗ xe

1. Đơn vị quản lý, kinh doanh bãi đỗ xe là tổ chức, cá nhân có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có đăng ký kinh doanh bãi đỗ xe.

2. Yêu cầu về các hạng mục công trình của bãi đỗ xe

a) Bãi đỗ xe phải có diện tích đảm bảo theo phương án kinh doanh; có đường giao thông nội bộ;

b) Nhà điều hành và phòng bảo vệ;

c) Sân bãi đỗ xe;

d) Cổng ra, vào bãi đỗ xe; tường rào bao quanh;

đ) Nhà vệ sinh công cộng và trang thiết bị phòng chống cháy nổ;

e) Cây xanh và hệ thống chiếu sáng, hệ thống thông tin, biển báo;

g) Các hạng mục công trình khác (nếu có) trong bãi đỗ xe có thể trang bị phục vụ công tác quản lý, kinh doanh của bãi đỗ xe như: Trạm bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, rửa xe; hệ thống camera theo dõi, giám sát.....

3. Các bãi đỗ xe được đầu tư, xây dựng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về quản lý đầu tư, xây dựng và phù hợp với quy hoạch xây dựng đô thị; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Điểm đầu nối của đường ra, vào bãi đỗ xe với quốc lộ phải được thực hiện đúng quy định tại Thông tư số 50/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT. Điểm đầu nối của đường ra, vào bãi đỗ xe với các đường khác (trừ quốc lộ) phải được thực hiện theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của địa phương.

Điều 3. Quản lý hoạt động bãi đỗ xe

1. Yêu cầu đối với bãi đỗ xe thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải.

2. Nội dung kinh doanh tại bãi đỗ xe thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải.

3. Đơn vị quản lý, kinh doanh bãi đỗ xe thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 56 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải. Khi tiến hành cải tạo cơ sở vật chất dẫn đến thay đổi sơ đồ mặt bằng tổng thể hoặc một số tiêu chí kỹ thuật phải báo cáo với cơ quan có thẩm quyền công bố hoạt động của bãi đỗ xe để kiểm tra công bố lại bãi đỗ xe theo quy định.

4. Cơ quan có thẩm quyền công bố hoạt động của bãi đỗ xe hướng dẫn các đơn vị quản lý, khai thác bãi đỗ xe trên địa bàn địa phương báo cáo định kỳ về kết quả hoạt động, tình hình an ninh trật tự, việc duy trì, đầu tư, cải tạo cơ sở vật chất, việc thực hiện các quy định của nhà nước và các nội dung cần thiết khác.

5. Chế độ báo cáo: Báo cáo định kỳ 6 tháng đầu năm (vào ngày 10 tháng 7); báo cáo 01 năm (vào 10 tháng 01 của năm sau). Báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của các cơ quan chức năng liên quan, theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Công bố hoạt động của bãi đỗ xe

1. Trước khi đưa vào khai thác kinh doanh bãi đỗ xe, đơn vị quản lý kinh doanh bãi đỗ xe gửi hồ sơ đề nghị công bố hoạt động bãi đỗ xe đến Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nơi có bãi đỗ xe (qua phòng Quản lý đô thị thành phố hoặc phòng Kinh tế - Hạ tầng các huyện); thành phần hồ sơ gồm:

- a) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định;
- b) Giấy tờ về quyền sử dụng đất làm bãi đỗ xe theo quy định;
- c) Hồ sơ thiết kế các hạng mục công trình của bãi đỗ xe được thẩm định và phê duyệt theo quy định;

d) Hồ sơ điểm đầu nối công ra, vào bãi đỗ xe;

đ) Phương án hoạt động của bãi đỗ xe bao gồm cả phương án bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường trong khu vực bãi đỗ xe (trang thiết bị phòng chống, cháy nổ phải có văn bản nghiệm thu của cơ quan phòng cháy chữa cháy về đảm bảo an toàn);

e) Sơ đồ thiết kế bãi đỗ xe, trong đó có thiết kế hướng đỗ xe phù hợp với quy mô diện tích và mặt bằng bãi đỗ xe.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đề nghị công bố bãi đỗ xe; chậm nhất trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận công văn của chủ đầu tư bãi đỗ xe đề nghị công bố và công bố lại bãi đỗ xe, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức kiểm tra và lập biên bản kiểm tra. Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu bãi đỗ xe không đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật hiện hành thì các tiêu chí không đạt yêu cầu phải được ghi rõ trong biên bản kiểm tra và được thông báo ngay cho đơn vị khai thác bãi đỗ xe.

Sau khi kiểm tra, nếu bãi đỗ xe đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật thì chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ban hành Quyết định công bố đưa bãi đỗ xe vào khai thác theo mẫu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định này. Quyết định công bố đưa bãi đỗ xe vào khai thác có giá trị trong thời hạn 5 năm kể từ ngày ký.

3. Quyết định công bố hoạt động bãi đỗ xe được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của tỉnh Hà Giang, Sở Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nơi có bãi đỗ xe được công bố, đưa tin trên sóng phát thanh, đài truyền hình địa phương; đồng thời được gửi đến các sở, ngành và đơn vị có liên quan để phối hợp trong công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra chuyên ngành.



Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với dự án đầu tư kinh doanh bãi đỗ xe trên địa bàn tỉnh đã lập nhưng chưa được phê duyệt hoặc chưa khởi công xây dựng thì chủ đầu tư bãi đỗ xe phải xem xét, điều chỉnh thực hiện theo quyết định này.

2. Đối với các bãi đỗ xe đang hoạt động trước khi quyết định này có hiệu lực thì chủ đầu tư, kinh doanh bãi đỗ xe có trách nhiệm rà soát các điều kiện hoạt động kinh doanh bãi đỗ xe của đơn vị mình và điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với Quy định này để thực hiện việc công bố đưa bãi đỗ xe vào khai thác xong trước ngày 01 tháng 7 năm 2020. Sau ngày 01 tháng 7 năm 2020, đơn vị kinh doanh bãi đỗ xe nào không đáp ứng quy định tại Quyết định này sẽ bị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ hoạt động.

Điều 6. Trách nhiệm cơ quan quản lý nhà nước

1. Sở Giao thông vận tải

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành đối với hoạt động của bãi đỗ xe trong phạm vi toàn tỉnh;

b) Chủ trì phối hợp với UBND các huyện, thành phố trong công tác tổ chức giao thông, đảm bảo không ùn tắc tại các bãi đỗ xe;

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất và xử lý các vi phạm đối với đơn vị quản lý, kinh doanh bãi đỗ xe trên địa bàn tỉnh trong việc duy trì tổ chức, quản lý hoạt động của bãi đỗ xe, việc kê khai, niêm yết giá dịch vụ, chấp hành quy định về xây dựng bãi đỗ xe, sử dụng đất làm bãi đỗ xe, đảm bảo an ninh trật tự tại khu vực bãi đỗ xe.

2. Sở Xây dựng

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp phép xây dựng bãi đỗ xe;

b) Hướng dẫn các chủ đầu tư dự án thiết kế, xây dựng bãi đỗ xe theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành;

c) Tham gia Đoàn thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất đối với các đơn vị khai thác bãi đỗ xe trên địa bàn tỉnh trong việc chấp hành các nội dung đã được cấp phép xây dựng bãi đỗ xe.

3. Sở Tài chính

a) Thẩm định giá dịch vụ trông giữ các loại xe trong bãi đỗ xe trên cơ sở phương án giá do UBND các huyện, thành phố, các đơn vị quản lý kinh doanh, khai thác bãi đỗ xe lập theo quy định trình UBND tỉnh phê duyệt;

b) Tham gia Đoàn thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất đối với các đơn vị khai thác bãi đỗ xe trên địa bàn tỉnh về đăng ký, kê khai, niêm yết giá dịch vụ tại bãi đỗ xe.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các địa phương tổng hợp nhu cầu sử dụng đất trong Quy hoạch hệ thống bãi đỗ xe vào Quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện;

b) Tham gia Đoàn thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất đối với các đơn vị khai thác bãi đỗ xe trên địa bàn tỉnh về vệ sinh môi trường trong hoạt động tại bãi đỗ xe.

5. Công an tỉnh

a) Kiểm tra, nghiệm thu trang thiết bị phòng, chống cháy nổ của các đơn vị kinh doanh bãi đỗ xe theo quy định;

b) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thường xuyên kiểm tra hoạt động bãi đỗ xe đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn trong khu vực.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Kêu gọi các tổ chức, cá nhân đầu tư dự án bãi đỗ xe trên địa bàn tỉnh

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Chỉ đạo các phòng chuyên môn thực hiện thẩm định hồ sơ đề nghị công bố hoạt động bãi đỗ xe của các đơn vị kinh doanh, quản lý bãi đỗ xe. Thực hiện công bố đưa bãi đỗ xe trên địa bàn vào khai thác;

b) Tiếp nhận và tổng hợp báo cáo của các đơn vị quản lý kinh doanh bãi đỗ xe trên địa bàn quản lý; rà soát, cung cấp danh sách, tình hình hoạt động của các đơn vị kinh doanh bãi đỗ xe trên địa bàn trong công tác phối hợp quản lý, thanh tra, kiểm tra theo chương trình, kế hoạch của các cơ quan chức năng có thẩm quyền khi được yêu cầu;

c) Tuyên truyền, phổ biến các nội dung của quy định này xuống tận cơ sở để các tổ chức, cá nhân kinh doanh bãi đỗ xe trên địa bàn quản lý biết, thực hiện; người dân biết để phối hợp giám sát hoạt động, phản ánh thông tin về tình hình hoạt động tại bãi đỗ xe;

d) Tham gia Đoàn thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất các đơn vị khai thác bãi đỗ xe trên địa bàn tỉnh trong việc sử dụng đất làm bãi đỗ xe;

đ) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải lập phương án tổ chức giao thông, không gây ùn tắc tại các bãi đỗ xe.

8. Trách nhiệm của các đơn vị quản lý kinh doanh bãi đỗ xe

a) Cung cấp đầy đủ các hồ sơ theo quy định phục vụ cho việc công bố hoạt động của bãi đỗ xe của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Thực hiện các quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

c) Niêm yết công khai giá dịch vụ; nội quy hoạt động; tên và số điện thoại của chủ đơn vị quản lý bãi đỗ xe, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tại trụ sở kinh doanh bãi đỗ xe để chủ phương tiện và người dân được biết, kịp thời phản ánh, khiếu nại khi cần thiết;



d) Có trách nhiệm duy trì tốt tình trạng hoạt động của bãi đỗ xe do đơn vị quản lý, đảm bảo theo các nội dung đã được công bố khi đưa bãi đỗ xe vào khai thác;

đ) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật và quy định về hoạt động kinh doanh bãi đỗ xe của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu;

e) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ; báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của các cơ quan chức năng liên quan.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 6 năm 2019.

2. Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện.

Trong quá trình tổ chức thực hiện có phát sinh khó khăn, vướng mắc các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố; đơn vị quản lý, kinh doanh bãi đỗ xe phản ánh kịp thời cho Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Giao thông vận tải) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Công an tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Vnpti Office;
- Lưu: VT, KTTH, CV (gt, nc).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn

PHỤ LỤC 1

Mẫu Quyết định về việc công bố đưa bãi đỗ xe vào khai thác
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 13/2019/QĐ-UBND
ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)

..... (2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-.....

....., ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố đưa bãi đỗ xe vào khai thác

(2)

Căn cứ Quyết định số /20...../QĐ-UBND ngày.....tháng.....năm 201...;

Căn cứ Quyết định số của quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của

.....(2)

Căn cứ Biên bản kiểm tra của (2) ngày/...../.....

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố đưa bãi đỗ xe (1)....vào khai thác với các nội dung sau:

- Bãi đỗ xe : (1)

- Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác:

- Vị trí (3) Điện thoại: Fax:

- Tổng diện tích đất:...(4)

Trong đó:

- Diện tích bãi đỗ xe ô tô

- Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác:

- Diện tích phòng chờ giao dịch:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm đến ngày tháng..... năm

Điều 3. Các ông (bà)....., Trưởng phòng; Thủ trưởng ...(1).... và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- UBND tỉnh;

.....

- Lưu

Thủ trưởng...(2)....

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi

(1) Ghi tên bãi đỗ xe .

(2) Ghi tên cơ quan ban hành quyết định công bố.

(3) Ghi tên vị trí, lý trình, địa chỉ của bãi đỗ xe .

4) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây dựng bãi đỗ xe.

PHỤ LỤC 2

Mẫu Báo cáo định kỳ 6 tháng đầu năm.... (hoặc năm 201....)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND
ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)

..... (2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 201...(hoặc năm 201...)

Đơn vị: Bãi đỗ xe.....(3)

Đơn vị quản lý:.....

Ngày báo cáo: ngày tháng năm 201...

Kính gửi:.....(1)

TT	Phương tiện	Tổng số lượt		Dịch vụ yêu cầu			Ghi chú
		Trong tỉnh	Ngoài tỉnh	Bảo dưỡng, sửa chữa	Rửa xe	Dịch vụ khác	
01	Xe tải - Từ dưới 3,5T: - Từ 3,5T đến dưới 7T: - Từ 7T đến dưới 10T: - Từ 10T trở lên:						
02	Xe đầu kéo somiromóc						
03	Xe khách: - Đến 16cn: - Từ 16 đến dưới 30cn: - Từ 30 cn trở lên:						
04	Xe con chở người (kể cả taxi)						
05	Xe khác (xe chuyên dùng,...)						
06	Mô tô, xe máy						
07	Xe đạp						

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu

Đại diện đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bãi đỗ xe
- (2) Ghi tên đơn vị khai thác bãi đỗ xe